TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01541

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Vẽ cơ khí (207122) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 02/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD102 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09153011	NGUYỄN VĂN	LUÂN	DH09CD			6,5	10	4,0	5,7	5	7
2	08115038	NGUYỄN THẾ	LỰC	DH08CB			5,0	10	4,5	5,7	5	7
3	~~10119027~~	~~VÕ TRỌNG~~	~~NGHĨA~~	~~DH10CC~~								
4	09118011	HỒ MINH	NHÂN	DH09CK			7,0	10	6,5	7,3	7	3
5	08115032	PHẠM VĂN	NINH	DH08CB			4,5	10	5,0	5,9	5	9
6	09153018	DƯƠNG NGUYỄN HOÀI	PHONG	DH09CD			2,0	10	1,0	3,0	3	0
7	~~09153068~~	~~LÊ HOÀI~~	~~PHONG~~	~~DH09CD~~								
8	09118026	NGUYỄN VĂN	QUANG	DH09CK			4,0	8	4,0	4,8	4	8
9	09118017	TRƯƠNG CÔNG	THẮNG	DH09CK			6,2	10	7,0	7,4	7	4
10	08134004	NGUYỄN MINH	THIỆN	DH08GB			7,5	10	6,0	7,1	7	1
11	~~09153027~~	~~ĐẶNG VĂN~~	~~THỨC~~	~~DH09CD~~								
12	08115021	ĐOÀN VĂN	TIẾN	DH08CB			2,5	10	5,0	5,5	5	5
13	09118018	NGUYỄN TẤN	TÍN	DH09CK			4,5	10	3,5	5,0	5	0
14	10153050	NGUYỄN NGỌC	TRUNG	DH10CD			7,2	9,0	5,5	6,5	6	5
15	09153082	PHẠM ĐỨC	TUYÊN	DH09CD			5,5	10	5,0	5,5	5	5
16	09153033	NGUYỄN NHƯ LONG	TUYỀN	DH09CD			5,5	9,0	4,0	5,3	5	3
17	08134027	NGUYỄN THỊ DIỄM	XUÂN	DH08GB			5,5	10	5,5	6,4	6	4
18	09153086	THIỀN SANH	XUÂN	DH09CD			6,7	10	4,0	5,7	5	7

Số bài: 16 ; Số tờ: 16

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2: N.V. Kiệp; Nguyễn Đăng Khoa

Duyệt của Trưởng Bộ môn: Đỗ Hữu Toàn

Cán bộ chấm thi 1&2: Trần Thị Thanh

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01541

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Vẽ cơ khí (207122) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 02/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD102 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09119030	TRẦN THANH	YÊN	DH09CC			7.5	10	6.5	7.4	7	4

Số bài: 16 ; Số tờ: 16

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2: N.V. Kiệp; Nguyễn Thị Khoa

Duyệt của Trưởng Bộ môn: Đỗ Hữu Toàn

Cán bộ chấm thi 1&2: Trần Thị Thanh

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01542

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Vẽ cơ khí (207122) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 02/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD103 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20 %)	Đ2 (20 %)	Điểm thi (60 %)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09118002	ĐỖ LÂM	BÌNH	DH09CK			5,5	10	8,0	7,9	8	9
2	10153061	HỒ VĂN	BÌNH	DH10CD			4,0	8,0	4,0	4,8	5	8
3	09119003	NGUYỄN ĐỨC	BÌNH	DH09CC			5,0	10	6,5	5,9	6	9
4	09153039	PHÙNG HUY	BÌNH	DH09CD			0	8,0	4,0	4,0	5	0
5	10115011	HUỲNH HẠNH MINH	DUNG	DH10CB			6,0	10	2,0	4,4	5	4
6	10115023	NGUYỄN HOÀNG THẢM	DUYÊN	DH10CB			0	0	2,0	1,2	1	2
7	09119010	DƯƠNG NGỌC	GIÀN	DH09CC			4,5	10	6,0	6,5	7	5
8	10115014	NGUYỄN THỊ THANH	HÀ	DH10CB			7,0	10	5,0	5,4	6	4
9	10115016	BÙI THIÊN	HẢI	DH10CB			4,5	10	3,0	4,7	5	7
10	10118001	NGUYỄN MINH	HẢI	DH10CK			7,0	10	6,0	7,0	7	0
11	10119025	NGUYỄN VINH	HẢI	DH10CC			0	10	5,0	5,0	6	0
12	10115001	ĐOÀN THỊ	HẠT	DH10CB			5,5	10	5,0	6,1	7	1
13	09119031	HUỲNH THỊ THÚY	HẰNG	DH09CC			5,0	10	6,0	6,6	7	6
14	09153004	NGUYỄN CÔNG	HẬU	DH09CD			4,5	8,0	4,5	5,2	6	2
15	10153012	LÂM QUANG	HIỀN	DH10CD			5,2	10	5,0	6,0	7	0
16	10153013	NGÔ HỮU	HIẾU	DH10CD			6,0	10	5,0	6,2	7	2
17	10115002	VÕ THỊ XUÂN	HOÀI	DH10CB			5,0	10	2,0	3,6	4	6
18	09119013	NGUYỄN HỮU	HUÂN	DH09CC			6,0	10	6,5	7,1	8	1

Số bài: 28 ; Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 — Ngô Thị Quý — Đỗ Thị Đẳng

Duyệt của Trưởng Bộ môn — Đỗ Hữu Toàn

Cán bộ chấm thi 1&2 — Trần Thị Thanh

Ngày 9 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01542

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Vẽ cơ khí (207122) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 02/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD103 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10115003	ĐỖ TIẾN	HÙNG	DH10CB			0	5,0	1,0	2,6	3	6
20	08118023	MAI NHẬT	HUY	DH08CK			5,5	9,0	4,5	5,6	5	6
21	09119015	NGUYỄN THỊ NHUNG	HUYỀN	DH09CC			3,5	10	4,0	5,1	5	1
~~22~~	~~09153007~~	~~NGUYỄN VĂN~~	~~HUỲNH~~	~~DH09CD~~								
23	10153016	NGUYỄN NGỌC	HƯNG	DH10CD			5,0	10	7,5	7,5	7	5
24	09119032	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	DH09CC			4,0	10	6,0	6,4	6	4
25	09153009	NGUYỄN TRỌNG	KHẢI	DH09CD			5,5	10	5,0	6,1	6	1
26	10153017	NGUYỄN DUY	KHÁNH	DH10CD			5,5	10	4,0	5,5	5	5
27	10115004	NGUYỄN THỊ ÁI	LIÊN	DH10CB			5,5	10	5,5	6,4	6	4
~~28~~	~~10138005~~	~~NGUYỄN MINH~~	~~LONG~~	~~DH10TD~~								
29	09119019	NGUYỄN TRIỆU THÀNH	LONG	DH09CC			6,2	10	6,0	6,8	6	8

Số bài: 28 ; Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đỗ Hữu Toàn

Cán bộ chấm thi 1&2

Trần Thị Thanh

Ngày 9 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01543

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Vẽ cơ khí (207122) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 02/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD104 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10153022	ĐOÀN VĂN	LỢI	DH10CD	1		4,5	10	7,0	7,1	7	1
2	10115017	ĐOÀN VĂN	MẠNH	DH10CB	1		0	5,0	3,0	3,8	3	8
3	10115024	BÙI ĐỨC QUANG	MINH	DH10CB	1		6,0	10	3,5	5,3	5	3
4	10115020	TRẦN HOÀI	NAM	DH10CB	1		4,0	10	5,0	5,8	5	8
~~5~~	~~10115006~~	~~LÊ TRỌNG~~	~~NGHĨA~~	~~DH10CB~~								
6	10118008	BÙI CÔNG	NHẬT	DH10CK	1		5,0	10	5,5	6,3	6	3
7	10119013	LÊ TRẦN HẠNH	NHƯ	DH10CC	1		4,5	10	5,5	6,2	6	2
8	10115007	NGUYỄN HÀN	NY	DH10CB	1		6,2	10	5,0	6,2	6	2
9	10115008	VÕ VĂN TẤN	PHÁT	DH10CB	1		4,5	10	5,0	5,9	5	9
10	09119035	TRẦN NGỌC	PHÚC	DH09CC	1		5,0	10	7,5	7,5	7	5
11	10118004	LÊ KHỎE	QUÍ	DH10CK	1		5,0	10	7,0	7,2	7	2
12	09119023	LƯƠNG MAI	QUỲNH	DH09CC	1		5,5	10	4,0	5,5	5	5
13	09119024	NGUYỄN VĂN	RỘ	DH09CC	1		5,5	10	5,5	6,4	6	4
14	10153032	PHAN VĂN	SÁNG	DH10CD	1		6,0	10	5,5	6,5	6	5
15	09119025	VŨ THỊ	SÁNG	DH09CC	1		5,0	10	4,2	5,5	5	5
16	10118010	TRẦN VĂN NHẬT	TÀI	DH10CK	1		6,0	10	5,5	6,5	6	5
17	09153071	VŨ HUỲNH ĐỨC	TÀI	DH09CD	1		5,0	10	5,0	6,0	6	0
18	10115009	CAO THỊ THU	THANH	DH10CB	1		6,5	10	5,0	6,3	6	3

Số bài: 26 ; Số tờ: 26

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Trương Q Thắng

Nguyễn Thanh Phong

Duyệt của Trường Bộ môn

Đỗ Hiếu Toàn

Cán bộ chấm thi 1&2

Trần Thế Thanh

Ngày 4 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01543

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Vẽ cơ khí (207122) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 02/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD104 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09118016	ĐÀO NHẬT	THÀNH	DH09CK	1		1,0	0	2,0	1,4	1	4
20	10153078	NGUYỄN CHÍ	THẮNG	DH10CD	1		4,2	10	5,5	6,1	6	1
~~21~~	~~09119037~~	~~HUỲNH VĂN~~	~~THI~~	~~DH09CC~~								
22	09119038	BÙI TẤN	THỊNH	DH09CC	1		5,5	10	4,5	5,8	5	8
23	08115020	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THUẬN	DH08CB	1		5,5	10	7,0	7,3	7	3
24	09119026	NGUYỄN THỊ	THỦY	DH09CC	1		4,0	10	2,0	4,0	4	0
~~25~~	~~10115027~~	~~TRẦN BÙI TRÚC~~	~~THƯ~~	~~DH10CB~~								
26	09119027	MAI VĂN	THỨC	DH09CC	1		5,0	10	1,0	3,6	3	6
27	10115010	BÙI TRUNG	TÍN	DH10CB	1		6,2	10	6,0	6,8	6	8
28	09153083	LÊ MINH	TUYỀN	DH09CD	1		3,5	8,0	3,0	4,1	4	1
29	09119040	NGUYỄN HÙNG	VINH	DH09CC	1		5,0	10	5,0	6,0	6	0

Số bài: 26 ; Số tờ: 26

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2: Trương Q Trung; Nguyễn Thanh Phong

Duyệt của Trưởng Bộ môn: Đỗ Hữu Toàn

Cán bộ chấm thi 1&2: Trần Thị Thanh

Ngày 2 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01544

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Vẽ cơ khí (207122) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 02/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD105 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10153001	NGUYỄN QUỐC	ANH	DH10CD			5,5	10	6,0	6,7	6	7
2	10153002	HOÀNG THANH	BÌNH	DH10CD			6,5	10	7,0	7,5	7	5
3	10119021	PHAN NGUYỄN QUỐC	BỬU	DH10CC			3,0	10	4,5	5,3	5	3
4	09153040	ĐẶNG VĂN	CHUNG	DH09CD			5,5	10	4,0	5,5	5	5
5	09118003	NGUYỄN KIM	CƯỜNG	DH09CK			6,5	10	6,0	6,9	6	9
6	10118016	ĐÀNG HOÀNG	DIỆU	DH10CK			5,0	10	5,0	6,0	6	0
7	~~10138002~~	~~DƯƠNG VĂN~~	~~ĐẠI~~	~~DH10TD~~								
8	10153005	TRẦN ĐỨC	ĐÔNG	DH10CD			3,0	10	2,0	3,8	3	8
9	10153006	HOÀNG VĂN	ĐỒNG	DH10CD			4,2	10	5,5	6,1	6	1
10	10153062	ĐỖ VĂN	ĐỨC	DH10CD			5,0	10	6,0	6,6	6	6
11	10153075	HUỲNH PHÚC	HẬU	DH10CD			4,2	10	5,5	6,1	6	1
12	10153010	NGUYỄN MẠNH	HẬU	DH10CD			5,0	10	6,0	6,6	6	6
13	10153011	NGUYỄN PHƯỚC	HẬU	DH10CD			3,5	10	1,5	3,6	3	6
14	10153014	TRẦN NHỰT	HÒA	DH10CD			3,5	10	5,5	6,0	6	0
15	~~10119018~~	~~NGUYỄN MINH~~	~~HUÂN~~	~~DH10CC~~								
16	09153008	DƯƠNG TUẤN	HÙNG	DH09CD			5,0	4,0	2,0	3,0	3	0
17	10153018	NGUYỄN HOÀNG	KHIÊM	DH10CD			3,0	10	4,5	5,3	5	3
18	10153019	NÔNG VĂN	KHIÊM	DH10CD			3,0	10	4,0	5,0	5	0

Số bài: 20 ; Số tờ: 20

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 — Duyệt của Trưởng Bộ môn — Cán bộ chấm thi 1&2 — Ngày tháng năm

Đỗ Hữu Toàn

Trần Thị Thanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01544

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Vẽ cơ khí (207122) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 02/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD105 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10153066	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	DH10CD		Khoa	0	0	0	0	1	0
20	10153020	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	DH10CD			3,5	10	2,0	3,9	4	9
21	~~10153021~~	~~A~~	~~KỲ~~	~~DH10CD~~							0	0
22	10153068	ĐẶNG TRẦN HOÀI	LỘC	DH10CD		Lộc	4,0	10	3,0	4,6	4	6
23	09153014	HOÀNG THANH	LỰC	DH09CD			3,5	10	3,0	4,5	4	5

Số bài: 20 ; Số tờ: 20

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đỗ Hiếu Toàn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01545

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Vẽ cơ khí (207122) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 02/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD106 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10153056	HOÀNG VĂN	MỸ	DH10CD			5,5	10	6,0	6,1	6	1
2	10153065	TRƯƠNG NGỌC HẢI	NAM	DH10CD			5,5	10	8,0	7,9	7	9
3	10153024	KHƯU XUÂN	NGỌC	DH10CD			6,5	10	7,0	7,5	7	5
4	10153071	PHẠM KHẢ	NGUYÊN	DH10CD			3,5	1,0	4,0	3,2	3	2
~~5~~	~~09153065~~	~~LÊ THANH~~	~~NHÃ~~	~~DH09CD~~								
6	09153064	NGUYỄN THANH	NHÀN	DH09CD			3,7	10	5,0	5,7	5	7
7	10119010	PHAN THANH	NHÂN	DH10CC			6,5	10	5,5	6,6	6	6
8	10153025	VÕ VĂN	NHÂN	DH10CD			5,0	10	4,0	5,4	5	4
9	10153029	BÙI ĐẮC	PHƯƠNG	DH10CD			6,0	10	4,0	5,6	5	6
10	09153019	NGUYỄN AN	PHƯƠNG	DH09CD			5,0	10	4,5	5,7	5	7
11	10153034	HOÀNG SỸ MINH	TÂN	DH10CD			3,0	10	3,5	4,7	4	7
12	10153069	LÊ VĂN	TÂN	DH10CD			3,5	10	3,5	4,8	4	8
13	10118013	PHAN DUY	TÂN	DH10CK			3,0	10	2,0	3,8	3	8
14	10153037	HÀ QUANG	THÁI	DH10CD			4,5	10	6,0	5,5	5	5
15	10153036	LÊ ĐỨC	THẢO	DH10CD			4,5	10	5,0	5,9	5	9
16	10153038	ĐOÀN TRẦN CAO	THẮNG	DH10CD			3,0	10	3,5	4,7	4	7
17	10118005	ĐINH CHIẾN	THẮNG	DH10CK			4,5	10	2,0	4,1	4	1
18	10153044	PHAN CÔNG	THỌ	DH10CD			3,5	10	2,0	3,9	3	9

Số bài: 21 ; Số tờ: 21

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2: Nguyễn Tấn Phước; Phạm Đức Dũng

Duyệt của Trưởng Bộ môn: Đỗ Hữu Toàn

Cán bộ chấm thi 1&2: Trần Thế Thanh

Ngày 14 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01545

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Vẽ cơ khí (207122) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 02/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD106 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09153030	PHẠM VĂN	TOÀN	DH09CD		[signature]	3,0	10	4,5	5,3	5	3
20	10153064	HOÀNG VĂN	TRANG	DH10CD		[signature]	5,0	10	4,0	5,4	5	4
21	10153076	TRẦN THÀNH	TRUNG	DH10CD		[signature]	5,0	10	3,0	4,8	4	8
22	09153080	VŨ ĐỨC	TRUNG	DH09CD		[signature]	3,5	10	2,0	3,9	3	9

Số bài: 21 ; Số tờ: 21

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2
Nguyễn Tấn Phúc Tạnh
Phạm Đức Dũng

Duyệt của Trưởng Bộ môn
Đỗ Hữu Toàn

Cán bộ chấm thi 1&2
Trần Thị Thanh

Ngày 14 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01540

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Vẽ cơ khí (207122) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 02/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD101 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09119001	ĐẶNG THẾ	ANH	DH09CC			7,5	10	7,5	8,0	8	0
2	09118001	ĐỖ QUỐC	ANH	DH09CK			6,5	10	6,5	7,2	7	2
3	09119002	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	DH09CC			8,0	10	9,5	9,3	9	3
~~4~~	~~09115004~~	~~NGUYỄN THANH~~	~~BÌNH~~	~~DH09CB~~								
5	09153041	NGUYỄN THÀNH	CHUNG	DH09CD			4,5	10	2,5	4,5	4	5
6	09119006	NGUYỄN THANH	DANH	DH09CC			3,0	8,0	5,0	5,2	5	2
7	09153045	LÊ TIẾN	DŨNG	DH09CD			3,0	10	4,0	5,0	5	0
8	10153003	NGUYỄN ĐÌNH	DŨNG	DH10CD			0	10	6,0	5,6	5	6
9	09119008	TRẦN VĂN	ĐẠT	DH09CC			6,7	10	6,5	7,2	7	2
10	07115007	HOÀNG VĂN	GIANG	DH08CB			0	0	2,0	1,2	1	2
11	09153048	BÙI XUÂN	HẢI	DH09CD			3,2	10	6,0	6,2	6	2
12	08134001	ĐOÀN THỊ KIM	HIỀN	DH08GB			5,0	10	4,5	5,7	5	7
13	08115008	ĐÀO NGUYỄN THÀNH	HIẾU	DH08CB			6,5	10	6,7	7,3	7	3
14	08134021	VÕ THỊ KIỀU	HOA	DH08GB			6,2	10	2,5	4,7	4	7
15	09153049	PHẠM XUÂN	HUY	DH09CD			3,0	9,0	4,0	4,8	4	8
16	09118007	TRẦN CÔNG	HƯỞNG	DH09CK			6,0	10	6,5	7,1	7	1
17	09118009	TRẦN DUY	KHƯƠNG	DH09CK			5,5	10	5,5	6,4	6	4
18	10119002	NGUYỄN ĐÌNH	LINH	DH10CC			2,0	0	3,0	2,2	2	2

Số bài: 19 ; Số tờ: 19

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Văn Tuấn Khanh

Nguyễn Thị Phương Thảo

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đỗ Hữu Toàn

Cán bộ chấm thi 1&2

Trần Thế Thanh

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01540

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Vẽ cơ khí (207122) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 02/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD101 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (20 %)	Đ 2 (20 %)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10118017	NGUYỄN THỊ VY	LINH	DH10CK			5,0	10	5,0	6,0	6	0
20	09119017	PHAN THỊ	LINH	DH09CC			7,0	10	6,5	7,3	7	3

Số bài: 19; Số tờ: 19

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2: Lê Văn Tuấn; Ng Thị Phương Thảo

Duyệt của Trưởng Bộ môn: Đỗ Hữu Toàn

Cán bộ chấm thi 1&2: Trần Thị Thanh

Ngày tháng năm